fǎ xué yuàn

法学院

noun · law school

Example Sentences

tā kǎo shàng le běi jīng dà xué de fǎ xué yuàn
他考 上 了北京大学的法学 院 。

He got into Peking University's law school.

fǎ xué yuàn de kè chéng fēi cháng jǐn zhāng
法学 院 的课 程 非 常 紧 张 。

The courses at law school are very intense.

Trace each character, then write the word on your own.

法 法 法 法 法 法 法 法 法 法 法

学 学 学 学 学 学 学 学 学 学 学

院 院 院 院 院 院 院 院 院 院 院 院